DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT TẠI THÔNG BÁO SỐ 264/TB-UBND NGÀY 12/4/2023 CỦA UBND HUYỆN HIỆP HÒA ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: XÂY DỰNG ĐƯỜNG NỐI ĐT 296 VỚI ĐƯỜNG VÀNH ĐAI IV (HÀ NỘI), HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG (THUỘC ĐỊA PHẬN XÃ XUÂN CẨM)

Địa điểm: Thôn Xuân Biều, xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Thông báo số 112 /TB-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2024 của UBND huyện)

Đã ban hành tại Thông báo số 264/TB-UBND ngày 12/4/2023 của UBND huyện									Nay đề nghị điều chỉnh thành							
Stt	Stt theo thông báo số 264/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thửa đất (m2)			Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích cả thửa (m²)	Trong đó (m2)		
						Diện tích thửa đất (m²)	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)						Diện tích hộ gia đình đang sử dụng (m2)	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2	Diện tích còn lại của thửa đất (m²)
A	B	C	D	E	F	1	2	3=1-2	G	H	I	K	1	2	3	4=2-3
1	1	Nguyễn Văn Tình (Hoạt)	232	8	LUC	225,3	3,8	221,5	Nguyễn Văn Quý (Quán)	232	8	LUC	225,3	225,3	3,8	221,5
2	2	Nguyễn Văn Quý (Quán)	295	8	LUC	295,3	219,6	75,7	Nguyễn Văn Lung (Lý)	295	8	LUC	295,3	64,8	64,8	0,0
									Nguyễn Văn Tình (Hoạt)					230,5	154,8	75,7
3	4	Ngô Thừa Ân	301	8	LUC	122,1	86,4	35,7	Nguyễn Bá Tuyên (Bắc)	301	8	LUC	122,1	122,1	86,4	35,7
4	8	Nguyễn Văn Sáu (Lạm)	236	8	LUC	372,9	48,3	324,6	Nguyễn Văn Sáu (Tám)	236	8	LUC	372,9	72,9	48,3	24,6
									Nguyễn Văn Lợi					300,0	0,0	300,0
5	12	Nguyễn Văn Minh (Huệ)	290	8	LUC	174,3	11,7	162,6	Nguyễn Văn Minh là chủ sử dụng đã chết, vợ là Nguyễn Thị Đức đã chết, bao gồm các hàng thừa kế: - Nguyễn Văn Tình là con trai - Nguyễn Văn Tuấn là con trai đã chết, người thừa kế là vợ Tạ Thị Huệ đang trực tếp canh tác thửa đất và con trai là Nguyễn Văn Tuyến - Nguyễn Văn Tú là con trai đã chết, không có người thừa kế	290	8	LUC	174,3	174,3	11,7	162,6
6	16	Nguyễn Bá Bình	361	8	LUC	96,0	54,9	41,1	Ngô Công Tiến (Nhung)	361	8	LUC	96,0	96,0	54,9	41,1
7	19	Ngô Đình Thực	358	8	LUC	115,9	79,1	36,8	Nguyễn Thị Tuyến	358	8	LUC	115,9	115,9	79,1	36,8
8	20	Ngô Công Tiến	357	8	LUC	106,5	76,1	30,4	Nguyễn Bá Hồng (Tuyết)	357	8	LUC	106,5	106,5	76,1	30,4
9	23	Chu Văn Thục (Xoáy)	355	8	LUC	180,4	141,5	38,9	Nguyễn Thị Xoáy (Thục)	355	8	LUC	180,4	108,4	69,5	38,9
									Chu Văn Thu					72,0	72,0	0,0

Stt	Stt theo thông báo số 264/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thửa đất (m2)			Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích cả thửa (m²)	Trong đó (m2)		
						Diện tích thửa đất (m²)	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)						Diện tích hộ gia đình đang sử dụng (m2)	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2	Diện tích còn lại của thửa đất (m²)
A	B	C	D	E	F	1	2	3=1-2	G	H	I	K	1	2	3	4=2-3
10	25	Ngô Văn Tùng là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Nguyễn Thị Xuyên là vợ đang sử dụng thửa đất - Ngô Thanh Hùng là con trai - Ngô Thanh Huyền là con gái	374	8	LUC	102,6	93,5	9,1	Nguyễn Văn Tùng (Hằng)	374	8	LUC	102,6	102,6	93,5	9,1
11	27	Ngô Đình Hưng (Tống)	376	8	LUC	158,4	140,9	17,5	Ngô Đình Hưng (Tống)	376	8	LUC	158,4	48,0	44,9	3,1
									Ngô Đình Giang					110,4	96,0	14,4
12	29	Nguyễn Văn Minh (Vinh)	378	8	LUC	75,9	66,8	9,1	Nguyễn Hồng Vinh	378	8	LUC	75,9	30,0	30,0	0,0
									Nguyễn Văn Truyền (Thịnh)					25,9	16,8	9,1
									Nguyễn Văn Phụ (Thuyên)					20,0	20,0	0,0
13	30	Nguyễn Văn Phụ là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Nguyễn Thị Thuyên là vợ đang sử dụng thửa đất - Nguyễn Văn Ngọ là con trai - Nguyễn Văn Mạnh là con trai	379	8	LUC	67,1	60,8	6,3	Nguyễn Hồng Vinh	379	8	LUC	67,1	29,0	22,7	6,3
									Nguyễn Văn Truyền (Thịnh)					10,1	10,1	0,0
									Nguyễn Văn Phụ (Thuyên)					28,0	28,0	0,0
14	34	Nguyễn Văn Sơn	381	8	LUC	37,6	1,3	36,3	Lê Văn Hoan	381	8	LUC	37,6	37,6	1,3	36,3
15	38	Nguyễn Văn Quyền (Diện)	419	8	LUC	74,3	11,6	62,7	Nguyễn Thị Bé	419	8	LUC	74,3	74,3	11,6	62,7
16	40	Nguyễn Bá Quang	471	8	LUC	131,4	111,8	19,6	Nguyễn Bá Giang	471	8	LUC	131,4	131,4	111,8	19,6
17	42	Nguyễn Bá Hưng	468	8	LUC	202,5	202,5	0,0	Nguyễn Bá Phức	468	8	LUC	202,5	202,5	202,5	0,0
18	43	Nguyễn Thị Liên (Ly)	470	8	LUC	77,1	77,1	0,0	Nguyễn Bá Nghiệp là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Chu Thị Hòa đang sử dụng thửa đất - Con trai Nguyễn Bá Dậu - Con trai Nguyễn Bá Hợi	470	8	LUC	77,1	77,1	77,1	0,0
19	44	Nguyễn Văn Quyền	507	8	LUC	89,1	89,1	0,0	Nguyễn Văn Hiệp	507	8	LUC	89,1	89,1	89,1	0,0

Stt	Stt theo thông báo số 264/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thửa đất (m2)			Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích cả thửa (m²)	Trong đó (m2)		
						Diện tích thửa đất (m²)	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)						Diện tích hộ gia đình đang sử dụng (m2)	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2	Diện tích còn lại của thửa đất (m²)
A	B	C	D	E	F	1	2	3=1-2	G	H	I	K	1	2	3	4=2-3
20	45	Nguyễn Bá Phức	422	8	LUC	279,0	181,2	97,8	Nguyễn Bá Phức (Hưng)	422	8	LUC	279,0	108,0	59,1	48,9
									Đồng Văn Bầy là chủ sử dụng đã chết, vợ là Nguyễn Thị Toàn đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Đồng Văn Hải là con trai đã chết, người thừa kế là vợ Nguyễn Thị Biên đang trực tiếp canh tác thửa đất và con trai là Đồng Văn Nam - Đồng Thị Thu là con gái - Đồng Thị Phục là con gái - Đồng Thị Hương là con gái					24,0	24,0	0,0
									Nguyễn Bá Chiến (Thinh)					59,1	59,1	0,0
									Nguyễn Văn Phụ (Thuyên)					87,9	39,0	48,9
21	46	Nguyễn Văn Chính (Kim)	467	8	LUC	153,2	49,2	104,0	Nguyễn Thị Kim (Chính)	467	8	LUC	153,2	36,0	24,6	11,4
									Lê Hồng Sơn (Liên)					117,2	24,6	92,6
22	47	Lê Hồng Sơn là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Nguyễn Thị Liên là vợ đang sử dụng thửa đất - Lê Văn Hạnh là con trai - Lê Văn Hải là con trai - Lê Văn Hùng là con trai - Lê Văn Hào là con trai	466	8	LUC	137,3	58,7	78,6	Nguyễn Bá Nghiệp là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Chu Thị Hòa đang sử dụng thửa đất - Con trai Nguyễn Bá Dậu - Con trai Nguyễn Bá Hợi	466	8	LUC	137,3	137,3	58,7	78,6
23	48	Nguyễn Văn Minh (Vinh)	509	8	LUC	123,8	32,7	91,1	Nguyễn Hồng Vinh	509	8	LUC	123,8	123,8	32,7	91,1
24	51	Nguyễn Bá Chiến	472	8	LUC	975,1	459,2	515,9	Nguyễn Bá Chiến	472	8	LUC	975,1	735,1	350,0	385,1
									Nguyễn Bá Long					240,0	109,2	130,8
25	52	Ngô Đình Long	506	8	LUC	233,2	233,2	0,0	Nguyễn Văn Minh	506	8	LUC	233,2	152,0	152,0	0,0
									Nguyễn Thị Cúc					81,2	81,2	0,0
26	53	Ngô Khắc Lập (Cài)	545	8	LUC	262,4	262,4	0,0	Nguyễn Thị Cúc	545	8	LUC	262,4	38,8	38,8	0,0
									Ngô Khắc Tiên					72,0	72,0	0,0
									Nguyễn Văn Quý (Dung)					48,0	48,0	0,0
									Nguyễn Văn Thụ					84,0	84,0	0,0
									Ngô Thị Dự					19,6	19,6	0,0

Stt	Stt theo thông báo số 264/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thửa đất (m2)			Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích cả thửa (m²)	Trong đó (m2)		
						Diện tích thửa đất (m²)	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)						Diện tích hộ gia đình đang sử dụng (m2)	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2	Diện tích còn lại của thửa đất (m²)
A	B	C	D	E	F	1	2	3=1-2	G	H	I	K	1	2	3	4=2-3
27	54	Ngô Quý Phấn	544	8	LUC	85,5	85,5	0,0	Ngô Thị Dự	544	8	LUC	85,5	76,4	76,4	0,0
									Nguyễn Văn Tình (Hoạt)					9,1	9,1	0,0
28	55	Nguyễn Thị Cúc	543	8	LUC	94,0	68,0	26,0	Nguyễn Văn Tình (Hoạt)	543	8	LUC	94,0	94,0	68,0	26,0
29	56	Ngô Tiến Sỹ	504	8	LUC	75,4	3,5	71,9	UBND xã	504	8	LUC	75,4	75,4	3,5	71,9
30	57	Nguyễn Thị Quảng (Bình)	505	8	LUC	103,0	93,5	9,5	Nguyễn Thị Viễn	505	8	LUC	103,0	103,0	93,5	9,5
31	58	Ngô Đình Vinh	546	8	LUC	267,5	267,5	0,0	Nguyễn Văn Vinh	546	8	LUC	267,5	168,0	168,0	0,0
									Ngô Khắc Tiên (Lộc)					99,5	99,5	0,0
32	59	Ngô Đình Phấn	547	8	LUC	170,6	170,6	0,0	Ngô Khắc Tiên (Lộc)	547	8	LUC	170,6	68,5	68,5	0,0
									Ngô Khắc Đối					102,1	102,1	0,0
33	60	Ngô Tiến Sỹ	589	8	LUC	179,1	134,3	44,8	Ngô Khắc Đối	589	8	LUC	179,1	41,9	11,1	30,8
									Ngô Công Huy					137,2	123,2	14,0
34	61	Ngô Văn Thụ (Thuần)	588	8	LUC	95,7	72,3	23,4	Ngô Công Huy	588	8	LUC	95,7	30,8	30,8	0,0
									Ngô Đình Mạc					64,9	41,5	23,4
35	62	Nguyễn Bá Quý	630	8	LUC	258,3	212,4	45,9	Ngô Đình Mạc	630	8	LUC	258,3	66,3	20,4	45,9
									Nguyễn Bá Cường (Thảo)					192,0	192,0	0,0
36	63	Ngô Tiến Sỹ	502	8	LUC	230,3	4,4	225,9	Nguyễn Bá Thanh (Thư)	502	8	LUC	230,3	230,3	4,4	225,9
37	64	Nguyễn Thị Thanh (Tảo)	550	8	LUC	322,7	50,8	271,9	Ngô Tiến Sỹ	550	8	LUC	322,7	322,7	50,8	271,9
38	65	Nguyễn Văn Thái (Sung)	548	8	LUC	155,9	85,2	70,7	Nguyễn Bá Cường (Thảo)	548	8	LUC	155,9	155,9	85,2	70,7
39	66	Nguyễn Văn Duy	549	8	LUC	117,9	67,7	50,2	Nguyễn Bá Thanh (Thư)	549	8	LUC	117,9	117,9	67,7	50,2
40	67	Ngô Khắc Đối	587	8	LUC	466,9	301,7	165,2	Ngô Thị Vân (Đức)	587	8	LUC	466,9	357,9	192,7	165,2
									Nguyễn Văn Mẫn					109,0	109,0	0,0
41	68	Ngô Khắc Tiên	631	8	LUC	608,4	587,8	20,6	Nguyễn Văn Mẫn	631	8	LUC	608,4	251,0	251,0	0,0
									Nguyễn Văn Chăm					264,0	264,0	0,0
									Nguyễn Văn Tỉnh					93,4	72,8	20,6

Stt	Stt theo thông báo số 264/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thửa đất (m2)			Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích cả thửa (m²)	Trong đó (m2)		
						Diện tích thửa đất (m²)	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)						Diện tích hộ gia đình đang sử dụng (m2)	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2	Diện tích còn lại của thửa đất (m²)
A	B	C	D	E	F	1	2	3=1-2	G	H	I	K	1	2	3	4=2-3
42	69	Ngô Đình Chí là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Nguyễn Thị Bé là vợ đang sử dụng thửa đất - Ngô Đình Huy	659	8	LUC	705,2	551,7	153,5	Nguyễn Văn Tỉnh	659	8	LUC	705,2	239,7	239,7	0,0
									Ngô Tiến Sỹ					465,5	312,0	153,5
43	70	Ngô Tiến Sỹ	632	8	LUC	214,7	76,2	138,5	Đồng Văn Dung	632	8	LUC	214,7	214,7	76,2	138,5
44	71	Ngô Đình Việt	658	8	LUC	83,2	36,3	46,9	Nguyễn Thị Trong là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Con trai Nguyễn Bá Bình - Con trai Nguyễn Bá Binh đang sử dụng thửa đất - con gái Nguyễn Thị Hồng	658	8	LUC	83,2	83,2	36,3	46,9
45	72	Nguyễn Văn Nhân	657	8	LUC	228,8	98,9	129,9	Nguyễn Văn Thuần	657	8	LUC	228,8	228,8	98,9	129,9
46	73	Nguyễn Tiến Dũng	656	8	LUC	344,4	55,7	288,7	Nguyễn Tiến Dũng	656	8	LUC	344,4	96,0	12,2	83,8
									Nguyễn Thanh Dản					248,4	43,5	204,9
47	74	Nguyễn Thị Huệ	708	8	LUC	223,2	21,3	201,9	Nguyễn Văn Tài là chủ sử dụng đã chết, Nguyễn Thị Hậu là vợ ông Tài đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - con trai Nguyễn Văn Thủy đang trực tiếp canh tác thửa đất - Con trai Nguyễn Văn Tến - con trai Nguyễn Văn Bộ	708	8	LUC	223,2	223,2	21,3	201,9
48	76	Nguyễn Văn Quân (Quý) + Nguyễn Văn Hùng	706	8	LUC	341,5	160,9	180,6	Nguyễn Thị Dung	706	8	LUC	341,5	120,0	92,0	28,0
									Nguyễn Thị Thoa là chủ sử dụng đất đã chết Ông Nguyễn Thanh Sơn là con trai đang trực tiếp canh tác Ông Nguyễn Ngọc Lâm là con trai Ông Nguyễn Ngọc Quang là con trai Bà Nguyễn Thị Ngân là con gái Bà Nguyễn Thị Phi Yến là con gái					48,0	12,9	35,1
									Đồng Thị Chính					53,5	26,2	27,3
									Nguyễn Văn Lai					48,0	20,0	28,0
									Nguyễn Thị Lý					72,0	9,8	62,2
49	78	Nguyễn Văn Lưu	724	8	LUC	163,3	163,3	0,0	Nguyễn Văn Quý (Quân)	724	8	LUC	163,3	163,3	163,3	0,0

Stt	Stt theo thông báo số 264/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thửa đất (m2)			Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích cả thửa (m²)	Trong đó (m2)		
						Diện tích thửa đất (m²)	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)						Diện tích hộ gia đình đang sử dụng (m2)	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2	Diện tích còn lại của thửa đất (m²)
A	B	C	D	E	F	1	2	3=1-2	G	H	I	K	1	2	3	4=2-3
50	80	Nguyễn Bá Hiệp là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Ngô Thị Đào đang sử dụng thửa đất - Con trai Nguyễn Bá Hưng	723	8	LUC	185,9	112,9	73,0	Nguyễn Văn Hiệp	723	8	LUC	185,9	185,9	112,9	73,0
51	81	Nguyễn Bá Phong	722	8	LUC	180,8	170,5	10,3	Nguyễn Văn Hùng (Tâm)	722	8	LUC	180,8	180,8	170,5	10,3
52	82	Ngô Công Chung (Vợ Nguyễn Thị Tuyên)	721	8	LUC	74,8	74,8	0,0	Nguyễn Thị Lý (Lượng)	721	8	LUC	74,8	74,8	74,8	0,0
53	83	Ngô Đình Liên	720	8	LUC	75,4	75,4	0,0	Nguyễn Thị Thoa là chủ sử dụng đất đã chết Ông Nguyễn Thanh Sơn là con trai đang trực tiếp canh tác Ông Nguyễn Ngọc Lâm là con trai Ông Nguyễn Ngọc Quang là con trai Bà Nguyễn Thị Ngân là con gái Bà Nguyễn Thị Phi Yến là con gái	720	8	LUC	75,4	75,4	75,4	0,0
54	84	Nguyễn Văn Trường là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Ngô Thị Hằng đang sử dụng thửa đất	719	8	LUC	100,0	96,4	3,6	Ngô Khắc Đối (Yến)	719	8	LUC	100,0	100,0	96,4	3,6
55	86	Nguyễn Văn Tiến (Tài)	782	8	LUC	233,0	174,0	59,0	Nguyễn Văn Tài (Nghĩa)	782	8	LUC	233,0	233,0	174,0	59,0
56	87	Nguyễn Bá Hòa	783	8	LUC	182,6	116,2	66,4	Đồng Thị Chính	783	8	LUC	182,6	182,6	116,2	66,4
57	89	Nguyễn Văn Phẩm	785	8	LUC	172,8	89,1	83,7	Nguyễn Văn Lan	785	8	LUC	172,8	172,8	89,1	83,7
58	92	Ngô Thị Lương	792	8	LUC	129,1	129,1	0,0	Ngô Khắc Phước	792	8	LUC	129,1	129,1	129,1	0,0
59	94	Nguyễn Văn Quyết	791	8	LUC	259,8	156,1	103,7	Nguyễn Văn Hùng (Tâm)	791	8	LUC	259,8	259,8	156,1	103,7
60	95	Đỗ Văn Đoàn	790	8	LUC	255,5	69,0	186,5	Đỗ Văn Hữu	790	8	LUC	255,5	255,5	69,0	186,5
61	98	Nguyễn Quốc Hoàn	852	8	LUC	325,2	4,5	320,7	Nguyễn Văn Lan	852	8	LUC	325,2	325,2	4,5	320,7
62	99	Nguyễn Văn Học	851	8	LUC	217,4	209,7	7,7	Nguyễn Văn Trình (Tý)	851	8	LUC	217,4	217,4	209,7	7,7
63	100	Nguyễn Văn Trình	856	8	LUC	148,7	8,3	140,4	Nguyễn Văn Học (Thọ)	856	8	LUC	148,7	148,7	8,3	140,4
64	102	Nguyễn Văn Hợi	854	8	LUC	393,7	363,9	29,8	Nguyễn Văn Khanh	854	8	LUC	393,7	393,7	363,9	29,8

Stt	Stt theo thông báo số 264/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thửa đất (m2)			Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích cả thửa (m²)	Trong đó (m2)		
						Diện tích thửa đất (m²)	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)						Diện tích hộ gia đình đang sử dụng (m2)	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2	Diện tích còn lại của thửa đất (m²)
A	B	C	D	E	F	1	2	3=1-2	G	H	I	K	1	2	3	4=2-3
65	108	Nguyễn Thị Thước là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Con trai Nguyễn Bá Bình đang sử dụng thửa đất - Con trai Nguyễn Bá Binh	2	16	LUC	162,3	135,2	27,1	Nguyễn Thị Trong là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Con trai Nguyễn Bá Bình - Con trai Nguyễn Bá Binh đang sử dụng thửa đất - con gái Nguyễn Thị Hồng	2	16	LUC	162,3	162,3	135,2	27,1
66	109	Nguyễn Bá Nghiệp là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Chu Thị Hòa đang sử dụng thửa đất - Con trai Nguyễn Bá Dậu - Con trai Nguyễn Bá Hợi	897	16	LUC	189,0	186,3	2,7	Nguyễn Văn Oanh (Mão)	897	16	LUC	189,0	189,0	186,3	2,7
67	110	Nguyễn Văn Oanh là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Nguyễn Thị Mão đang sử dụng thửa đất - Con trai Nguyễn Văn Phương - Con trai Nguyễn Văn Hưng	896	16	LUC	210,6	45,9	164,7	Nguyễn Bá Nghiệp là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Chu Thị Hòa đang sử dụng thửa đất - Con trai Nguyễn Bá Dậu - Con trai Nguyễn Bá Hợi	896	16	LUC	210,6	210,6	45,9	164,7
68	111	Nguyễn Thị Hồng (Quý)	899	16	LUC	400,6	400,6	0,0	Nguyễn Thị Lý (Vở)	899	16	LUC	400,6	400,6	400,6	0,0
69	112	Nguyễn Văn Trường là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Ngô Thị Hằng đang sử dụng thửa đất	49	16	LUC	151,7	70,3	81,4	Nguyễn Thị Lý (Ngọt)	49	16	LUC	151,7	151,7	70,3	81,4
70	113	Nguyễn Văn Trường là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Ngô Thị Hằng đang sử dụng thửa đất	900	16	LUC	136,3	109,8	26,5	Nguyễn Thị Lý (Ngọt)	900	16	LUC	136,3	136,3	109,8	26,5
71	114	Nguyễn Tiến Hồ	50	16	LUC	136,9	51,2	85,7	Nguyễn Văn Trà (Tẽo)	50	16	LUC	136,9	136,9	51,2	85,7
72	115	Nguyễn Văn Quất	4	16	LUC	154,8	89,8	65,0	Nguyễn Văn Dũng (Thu)	4	16	LUC	154,8	154,8	89,8	65,0
73	117	Nguyễn Quốc Hoàn	6	16	LUC	278,7	106,4	172,3	Nguyễn Văn Lan	6	16	LUC	278,7	278,7	106,4	172,3
74	123	Nguyễn Thị Hường (Sơn)	56	16	LUC	195,0	142,8	52,2	Nguyên Văn Sinh (Sơn)	56	16	LUC	195,0	195,0	142,8	52,2

Stt	Stt theo thông báo số 264/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thửa đất (m2)			Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích cả thửa (m²)	Trong đó (m2)		
						Diện tích thửa đất (m²)	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)						Diện tích hộ gia đình đang sử dụng (m2)	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2	Diện tích còn lại của thửa đất (m²)
A	B	C	D	E	F	1	2	3=1-2	G	H	I	K	1	2	3	4=2-3
75	125	Nguyễn Văn Tài	97	16	LUC	388,6	377,9	10,7	Nguyễn Thanh Sơn (Thảo) Nguyễn Thị Thoa là chủ sử dụng đất đã chết, bao gồm các hàng thừa kế: Ông Nguyễn Thanh Sơn là con trai đang trực tiếp canh tác Ông Nguyễn Ngọc Lâm là con trai Ông Nguyễn Ngọc Quang là con trai Bà Nguyễn Thị Ngân là con gái Bà Nguyễn Thị Phi Yến là con gái	97	16	LUC	388,6	244,6 144,0	233,9 144,0	10,7 0,0
76	126	Nguyễn Thanh Sơn (Thoa)	96	16	LUC	239,2	217,0	22,2	Nguyễn Cao Phan là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Nguyễn Thị Loan đang sử dụng thửa đất - Con trai Nguyễn Văn Giang - Con Trai Nguyễn Văn Nam - Con trai Nguyễn Văn Hải	96	16	LUC	239,2	239,2	217,0	22,2
77	127	Nguyễn Đức Luận (Vợ Nguyễn Thị Hồng)	95	16	LUC	81,0	67,3	13,7	Nguyễn Thị Hồng (Quý)	95	16	LUC	81,0	81,0	67,3	13,7
78	128	Nguyễn Bá Thông là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Nguyễn Thị Tuyền đang sử dụng thửa đất - Con trai Nguyễn Bá Thạo - Con trai Nguyễn Hải Âu	94	16	LUC	305,3	228,6	76,7	Ngô Đình Sỹ (Cúc)	94	16	LUC	305,3	305,3	228,6	76,7
79	129	Nguyễn Bá Hạnh là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Nguyễn Thị Loan đang sử dụng thửa đất	111	16	LUC	138,8	88,3	50,5	Nguyễn Văn Phượng (Thành)	111	16	LUC	138,8	138,8	88,3	50,5
80	130	Nguyễn Tiến Phương	112	16	LUC	76,2	46,3	29,9	Nguyễn Văn Phượng (Thành)	112	16	LUC	76,2	76,2	46,3	29,9
81	133	Nguyễn Văn Phẩm	115	16	LUC	318,1	83,2	234,9	Nguyễn Văn Hùng (Tâm)	115	16	LUC	318,1	318,1	83,2	234,9
82	136	Nguyễn Đức Luận	43	16	LUC	96,0	15,9	80,1	Nguyễn Thị La	43	16	LUC	96,0	96,0	15,9	80,1
83	143	Nguyễn Văn Hưng	156	16	LUC	192,2	76,3	115,9	Ngô Thị Huệ	156	16	LUC	192,2	192,2	76,3	115,9

Stt	Stt theo thông báo số 264/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thửa đất (m2)			Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích cả thửa (m²)	Trong đó (m2)		
						Diện tích thửa đất (m²)	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)						Diện tích hộ gia đình đang sử dụng (m2)	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2	Diện tích còn lại của thửa đất (m²)
A	B	C	D	E	F	1	2	3=1-2	G	H	I	K	1	2	3	4=2-3
84	145	Đồng Văn Hải là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Nguyễn Thị Biên đang sử dụng thửa đất	171	16	LUC	205,3	149,2	56,1	Đồng Văn Bẩy là chủ sử dụng đã chết, vợ là Nguyễn Thị Toàn đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Đồng Văn Hải là con trai đã chết, người thừa kế là vợ Nguyễn Thị Biên đang trực tiếp canh tác thửa đất và con trai là Đồng Văn Nam - Đồng Thị Thu là con gái - Đồng Thị Phục là con gái - Đồng Thị Hương là con gái	171	16	LUC	205,3	205,3	149,2	56,1
85	151	Nguyễn Tiến Trường là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế - Vợ Ngô Thị Hằng đang sử dụng thửa đất	173	16	LUC	205,9	205,4	0,5	Nguyễn Thị Lý (Ngọt)	173	16	LUC	205,9	205,9	205,4	0,5
86	158	Nguyễn Văn Thanh	218	16	LUC	235,7	108,3	127,4	Nguyễn Văn Thành (Thu)	218	16	LUC	235,7	114,0	55,0	59,0
									Hoàng Văn Bảo là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế : - Hoàng Thị An là con gái - Hoàng Văn Bình là con trai - Hoàng Thị Vĩnh là con gái - Hoàng Thị Phương Minh					121,7	53,3	68,4
87	162	Nguyễn Bá Dự	250	16	LUC	186,9	25,9	161,0	Nguyễn Bá Đường	250	16	LUC	186,9	186,9	25,9	161,0
88	164	Nguyễn Văn Nhân	246	16	LUC	349,4	18,0	331,4	Ngô Đình Khoa (Thơm)	246	16	LUC	349,4	349,4	18,0	331,4
89	165	Nguyễn Văn Minh	289	16	LUC	339,8	17,8	322,0	Ngô Đình Khoa (Thơm)	289	16	LUC	339,8	339,8	17,8	322,0
90	169	Nguyễn Văn Lợi	288	16	LUC	227,9	120,3	107,6	Nguyễn Văn Truyền	288	16	LUC	227,9	227,9	120,3	107,6
91	173	Ngô Thế Khái	284	16	LUC	261,2	261,2	0,0	Ngô Khắc Duy	284	16	LUC	261,2	261,2	261,2	0,0
92	174	Ngô Khắc Duy	317	16	LUC	245,8	229,2	16,6	Ngô Thế Lai	317	16	LUC	245,8	245,8	229,2	16,6
93	177	Nguyễn Văn Thành	318	16	LUC	157,8	125,6	32,2	Hoàng Văn Bảo là chủ sử dụng đã chết, bao gồm các hàng thừa kế : - Hoàng Thị An là con gái - Hoàng Văn Bình là con trai - Hoàng Thị Vĩnh là con gái - Hoàng Thị Phương Minh	318	16	LUC	157,8	157,8	125,6	32,2
94	178	Nguyễn Văn Tàu	319	16	LUC	197,8	142,6	55,2	Nguyễn Bá Dự	319	16	LUC	197,8	197,8	142,6	55,2
95	179	Nguyễn Văn Nhân	333	16	LUC	321,0	210,3	110,7	Nguyễn Văn Thuần	333	16	LUC	321,0	321,0	210,3	110,7

Stt	Stt theo thông báo số 264/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thửa đất (m2)			Tên chủ hộ sử dụng đất	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích cả thửa (m²)	Trong đó (m2)		
						Diện tích thửa đất (m²)	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)						Diện tích hộ gia đình đang sử dụng (m2)	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2	Diện tích còn lại của thửa đất (m²)
A	B	C	D	E	F	1	2	3=1-2	G	H	I	K	1	2	3	4=2-3
96	181	Lê Đình Tiến	336	16	BHK	25,0	25,0	0,0	Lê Văn Tiến	336	16	BHK	25,0	25,0	25,0	0,0
97	182	Ngô Khắc Thế	337	16	LUC	74,8	30,6	44,2	Ngô Khắc Thư	337	16	LUC	74,8	74,8	30,6	44,2
98	183	Ngô Đình Chi	335	16	LUC	64,4	24,1	40,3	Ngô Đình An	335	16	LUC	64,4	64,4	24,1	40,3
99	184	Lê Đình Tiến	334	16	LUC	11,1	11,1	0,0	Nguyễn Thị Hòa	334	16	LUC	11,1	11,1	11,1	0,0
						20.300,0	**12.316,5**	**7.983,5**					**20.300,0**	**20.300,0**	**12.316,5**	**7.983,5**